

Số: 647/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 4, năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 28**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 -2025; số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh đợt 4, năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 237/BC-KTNS ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 4, năm 2025, với các nội dung sau:

1. Thông qua danh mục thu hồi đất của 04 công trình, dự án mới với diện tích 141,5588 ha (*chi tiết có Phụ lục I kèm theo*).

2. Thông qua việc chuyển mục đích sử dụng 8,9520 ha đất trồng lúa; 4,5824 ha đất rừng phòng hộ và 48,4775 ha đất rừng sản xuất để thực hiện 13 công trình, dự án (*chi tiết có Phụ lục II kèm theo*).

3. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng 27,3400 ha rừng để thực hiện 01 dự án (*chi tiết có Phụ lục III kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá khoá XVIII, kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Lại Thế Nguyên



Phụ lục I:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA ĐỢT 4 NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 647/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: ha.

TT	Hạng mục	Diện tích phải thu hồi	Sử dụng vào loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
	TỔNG	141,5588			
I	HUYỆN LANG CHÁNH				
1	Thủy điện Sông Âm (Đường dây truyền tải 35kV đấu nối Nhà máy thủy điện Sông Âm vào lưới điện quốc gia)	0,0442	DNL	Các xã: Tam Văn, Tân Phúc	
II	HUYỆN TRIỆU SƠN				
1	Xây dựng hệ thống cấp nước thô chuỗi đô thị dọc Quốc lộ 47, thành phố Thanh Hóa và vùng phụ cận tại các huyện Thọ Xuân, Triệu Sơn, Như Thanh, Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa	3,8946	DCT	Xã Thái Hòa	
III	HUYỆN HÀ TRUNG				
1	Mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng tại xã Hà Vinh	82,1000	SKS	Xã Hà Vinh	
2	Mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng tại xã Hà Vinh	55,5200	SKS	Xã Hà Vinh	



Phụ lục II:
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỦ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HOÁ ĐỢT 4, NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 647/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: ha.

TT	Công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đất chuyển mục đích	Được chuyển mục đích từ các loại đất				Ghi chú
					LUA	RPH	RDD	RSX	
	Tổng cộng			62,0119	8,9520	4,5824		48,4775	
I	HUYỆN THỌ XUÂN								
1	Cụm công nghiệp Thọ Nguyên	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam	Xã Xuân Hồng	2,7589	2,7589				
II	HUYỆN THIỆU HOÁ								
1	Nhà máy sản xuất, cung ứng lương thực Thuần Dững 2	Công ty TNHH Lương thực Thuần Dững	Thị trấn Thiệu Hóa	1,2190	1,2190				
III	HUYỆN LANG CHÁNH								
1	Thủy điện Sông Âm (Đường dây truyền tải 35kV đầu nối Nhà máy thủy điện Sông Âm vào lưới điện quốc gia)	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Việt Nam	Các xã: Tam Văn, Tân Phúc	0,0237	0,0095			0,0142	
IV	HUYỆN THƯỜNG XUÂN								
1	Nông trại Golden Cow	Công ty TNHH Cơ giới và Xây lắp Minh Vượng	Xã Lương Sơn	1,9181				1,9181	
V	HUYỆN QUẢNG XƯƠNG								
1	Khu kinh doanh vật liệu xây dựng kết hợp dịch vụ thương mại Hưng Phát	Hộ kinh doanh Lưu Thanh Hợi	Xã Quảng Lưu	0,3866	0,3866				
2	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Thành Công	Công ty TNHH TM và Thành Công	Xã Quảng Yên	0,2744	0,2744				

TT	Công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích đất chuyển mục đích	Được chuyển mục đích từ các loại đất				Ghi chú
					LUA	RPH	RDD	RSX	
VI	HUYỆN NGỌC LẠC								
1	Nhà máy sản xuất viên nén xuất khẩu (thuộc dự án đầu tư phát triển Công ty TNHH hai thành viên Lam Sơn)	Công ty TNHH Hai thành viên Lam Sơn	Xã Minh Tiến	17,0205				17,0205	
2	Đất cơ sở sản xuất nông nghiệp	Công ty Cổ phần ĐT XD Minh Hưng - CAD	Xã Cao Thịnh	0,8474				0,8474	
VII	HUYỆN NHƯ XUÂN								
1	Nhà máy chế biến lâm sản Thượng Ninh	Công ty TNHH xuất nhập khẩu và chế biến lâm sản Miền Bắc	Xã Thượng Ninh	3,0423	0,8857			2,1566	
XIII	HUYỆN NHƯ THANH								
1	Xưởng sản - xuất, gia công cửa và nhà thép hình, nhà lưới	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đức Huân	Xã Hải Long	0,1830				0,1830	
X	HUYỆN TRIỆU SƠN								
1	Xây dựng hệ thống cấp nước thô chuỗi đô thị dọc Quốc lộ 47, thành phố Thanh Hóa và vùng phụ cận tại các huyện Thọ Xuân, Triệu Sơn, Như Thanh, Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa	Tổng Công ty đầu tư xây dựng và thương mại Anh Phát - Công ty Cổ phần	Xã Thái Hòa	3,4179	3,4179				
2	Khu thương mại dịch vụ (Khu dịch vụ thương mại và cáp treo Am Tiên thuộc quản thể khu du lịch Am Tiên)	Công ty TNHH dịch vụ và du lịch cáp treo Thanh Hóa	Thị trấn Nưa	30,6201		4,5824		26,0377	
XI	HUYỆN HÀ TRUNG								
1	Khai thác khoáng sản làm vật liệu san lấp tại xã Hà Sơn	Công ty TNHH Quyết Chiến	Xã Hà Sơn	0,3000				0,3000	



Phụ lục III:

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỢT 4, NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 647/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: ha.

TT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng (đến cấp xã)	Cấp huyện	Diện tích rừng chuyển mục đích	Đối tượng rừng						Ghi chú	
						Rừng sản xuất			Rừng phòng hộ				RDD
						Tổng	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Tổng	Rừng trồng	Rừng tự nhiên		
	Tổng cộng				27,34	22,76	22,76		4,58	0,74	3,84		
1	Khu dịch vụ thương mại và cáp treo Am Tiên thuộc quần thể du lịch Am Tiên	Công ty TNHH dịch vụ và du lịch cáp treo Thanh Hóa	Thị trấn Nưa	Huyện Triệu Sơn	27,34	22,76	22,76		4,58	0,74	3,84		